

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-12-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh;
2. Ông Đoàn Văn Lước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1989; thường trú: Tổ 1, ấp 1, xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Huy N, sinh năm 1983; thường trú: Tổ 1, ấp 1, xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tuy nhiên theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu K và anh Lê Huy N tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian khoảng 06 (sáu) tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, sau khi cưới hai vợ chồng về chung sống được khoảng 01 tháng thì anh N phải đi cai nghiện ma túy đến năm 2011. Năm 2012, hai vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Định, huyện

Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyền số 01/2012, ngày 06/9/2012. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị K sinh sống tại xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017, khi chị K sinh con thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai lấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ngoài ra, anh N còn hay ghen vô cớ. Mặc dù, chị K đã nhiều lần cho chồng cơ hội thay đổi để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh N không thay đổi làm cho tình trạng hôn nhân ngày một trầm trọng, chị K không còn tình cảm với anh N. Hiện chị K đã dọn về nhà mẹ ruột sinh sống. Chị K xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Huy N.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung, cháu Lê Thị Ánh N, sinh ngày 07/5/2017. Hiện con chung đang do anh N nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh Lê Huy N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 12 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Huy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như trình bày của chị Nguyễn Thị Thu K về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng và thời gian sống ly thân. Nhưng không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng. Anh N xác định thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây anh N đi giao lưu bạn bè, ít quan tâm đến vợ nên tình cảm giữa anh N và chị K có phần lạnh nhạt. Ngoài ra, anh N xác định chị K có mối quan hệ với người đàn ông khác. Do mâu thuẫn vợ chồng không lớn, có thể hòa giải được nên anh N không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của chị K. Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung, cháu Lê Thị Ánh N, sinh ngày 07/5/2017. Hiện con chung đang do anh N nuôi dưỡng. Anh N không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị Thu K và anh Lê Huy N có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Huy N. Anh Lê Huy N cư trú tại tổ 1, ấp 1, xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu K và anh Lê Huy N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Định, huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương vào ngày 06/9/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2012 nên quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thu K và anh Lê Huy N là hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị Thu K xác định quá trình chung sống với anh Lê Huy N hạnh phúc đến năm 2017 khi chị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai lấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không có sự tin tưởng. Ngoài ra, anh N còn hay ghen vô cớ, hiện chị K đã dọn về nhà cha mẹ sống. Trong thời gian còn chung sống chị K đã nhiều lần khuyên can mong anh N thay đổi nhưng anh N không thay đổi dẫn đến việc chị K không còn tình cảm và không muốn sống chung với anh N; bản thân anh N xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ xuất phát từ việc anh N giao lưu bạn bè ngoài xã hội dẫn đến ít quan tâm đến chị K nên tình cảm vợ chồng thời gian gần đây có phần lạnh nhạt, ngoài ra anh N còn nghi ngờ chị K không chung thủy. Bản thân anh N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, còn tình cảm với chị K nhưng không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Xét để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có sự chia sẻ, đồng cảm và tin tưởng. Chị K và anh N sống cùng một mái nhà nhưng mạnh ai lấy sống, không có sự quan tâm, không có sự đồng cảm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự tin tưởng, dẫn đến việc chị K không còn tình cảm với anh N. Anh N xác định còn tình cảm với chị K nhưng không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 04/12/2019 của Tòa án tại địa phương xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị K và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh N thường xuyên tụ tập bạn bè, không chăm lo cho gia đình. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu K và anh Lê Huy N đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Thu K yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung, cháu Lê Thị Ánh N, sinh ngày 07/5/2017. Hiện con chung đang do anh N nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Anh N không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét cháu N là cháu gái, chưa đầy 3 tuổi, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị K chủ yếu xuất phát từ việc anh N không chăm lo cho vợ con nên việc giao cháu N cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của chị K và phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo cho cháu có điều kiện để phát triển tốt nhất về mọi mặt.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thu nhập của anh N cao hơn chị K nên việc chị K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng tháng là phù hợp, nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thu K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; anh Lê Huy N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu K được ly hôn với anh Lê Huy N (Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Tân Định, huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/9/2012).

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ánh N, sinh ngày 07/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Thu K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Huy N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thu K và anh Lê Huy N có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Huy N lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị Thu K nuôi con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu K và anh Lê Huy N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0030754 ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Anh Lê Huy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết